TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03/8/2020
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Minh Tân.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh;
Ông Nguyễn Văn Khóa.
- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 108/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Mạc Thị Th**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Đội 4, khu Q, phường Ph, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Dương Văn C**, sinh năm 1984.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 4, khu Q, phường Ph, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Hàn Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Mạc Thị Th trình bày: Chị và anh Dương Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện K (nay là phường Ph, thị xã K), tỉnh Hải Dương vào ngày 05/11/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu khi kết hôn. Khi chị sinh con đầu lòng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C không quan tâm đến chị mà còn lấy tiền của chị đi chơi bời, có quan hệ với người phụ nữa khác. Sau đó anh biết lỗi và chị đã

tha thứ nên vợ chồng lại hòa thuận. Khi chị mang thai cháu thứ hai anh tiếp tục chơi bời không quan tâm đến gia đình, vợ con. Vợ chồng không có sự hòa hợp trong cuộc sống và trong làm ăn kinh tế. Sau đó vợ chồng chị sống ly thân không ai quan tâm tới ai. Năm 2017 anh C đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, từ khi đi cho đến nay anh không liên lạc với chị cũng như không gửi tiền về cho chị nuôi con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Dương Thị Diệu B, sinh ngày 22/3/2011 và Dương Thị Diệu N, sinh ngày 06/6/2012. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả hai con cho đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Th không cung cấp được địa chỉ của anh Cường tại Hàn Quốc. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh tại gia đình anh C, chị Dương Thị N (em gái anh C) cung cấp: Gia đình có bố đẻ là ông Dương Tiến C và mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T đều đã chết. Chị N xác nhận anh C vẫn thỉnh thoảng liên lạc về cho chị. Tòa án yêu cầu chị cung cấp địa chỉ của anh C ở Hàn Quốc và yêu cầu anh C gửi văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Th, nhưng chị N không cung cấp được địa chỉ của anh C. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho chị Dương Thị N, đồng thời tiến hành niêm yết các băn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, chị Niên đã thông tin cho anh C biết, anh C không có văn bản gửi về cho Tòa án trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên thông qua chị N, anh C đã xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn, nhất trí để chị Th tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi các con thành niên và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại khu dân cư, Hội phụ nữ và chính quyền địa phương nơi chị Th, anh C sinh sống thể hiện: Chị Th, anh C có đăng ký kết hôn và sinh sống tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm bắt được. Anh C đã đi xuất khẩu lao động, không có mặt tại địa phương. Chị Th xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật sao cho đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ và trẻ em.

Con chung của chị Th, anh C là Dương Thị Diệu N và Dương Thị Diệu B có nguyện vọng ở với chị Th trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của BLTTDS. Việc thu thập tài liệu và thời gian chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo điểm b khoản 2 Điều 476 BLTTDS. Đề nghị

Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn, đến hết thời hạn xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy, Viện kiểm sát không phát biểu đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Mạc Thị Th sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Dương Văn C có địa chỉ trước khi xuất cảnh ở đội 4, khu Q, phường Ph, thị xã K, tỉnh Hải Dương, hiện anh C đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Do vậy, TAND tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh C ở Hàn Quốc. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh C cung cấp địa chỉ, cũng như thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh C biết Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Th và anh C nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Chị Dương Thị N là em gái anh C vẫn thường xuyên liên lạc với anh C, chị N đã nhận các văn bản tố tụng và cam đoan thông báo cho anh Cường biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn giữa anh chị. Tuy nhiên anh C vắng mặt lần thứ hai, chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mạc Thị Th và anh Dương Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện K (nay là phường Ph, thị xã K), tỉnh Hải Dương vào ngày 05/11/2009, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có quan điểm sống khác nhau, mâu thuẫn trong làm ăn kinh tế cũng như trong quan hệ hôn nhân, không có sự tin tưởng nhau trong cuộc sống vợ chồng. Khi anh C đi xuất khẩu lao động, vợ chồng cũng không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Anh C cũng đã thông tin thông qua gia đình và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Th, anh C đã trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, giải quyết cho chị Th ly hôn anh Cường là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Mạc Thị Th và anh Dương Văn C có hai chung là Dương Thị Diệu B, sinh ngày 22/3/2011 và Dương Thị Diệu N, sinh ngày 06/6/2012, hiện đang ở với chị Th. Xét thấy con chung của anh, chị hiện vẫn còn nhỏ và đang ở với chị Th; các con đều có nguyện vọng được ở với chị

Th. Hơn nữa anh C đang ở nước ngoài, không có mặt ở Việt Nam nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. HĐXX chấp nhận giao con chung Diệu B và Diệu N cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Cường phải cấp dưỡng cho cả hai con chung. Sau này anh Cường về Việt Nam sinh sống có quyền làm đơn đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi nuôi con (nếu như có căn cứ) theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị Th, anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này nếu các đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì có quyền làm đơn đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị Mạc Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Mạc Thị Th** được ly hôn anh **Dương Văn C**.

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao con chung Dương Thị Diệu B, sinh ngày 22/3/2011 và Dương Thị Diệu N, sinh ngày 06/6/2012 cho chị Mạc Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con tròn 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng cho cả hai con chung.

Không ai được cản trở anh Dương Văn C thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Mạc Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự (về Hôn nhân gia đình) sơ thẩm và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002145 ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Mạc Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Dương Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND phường Ph, thị xã K, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân